TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 3 -2022
V/v: " Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh

2. Ông Lưu Đức Chung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Linh Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử 1sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST –HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1986

- ***Bị đơn***: Anh Phạm Minh K, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số 152 tổ 5, ấp Bình L, xã L, huyện L, Đồng Nai.

(Chị N, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Chị và anh K xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, chung sống không hạnh phúc do anh K không chung thủy, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh K không thay đổi, chị và anh K đã ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu xin ly hôn với anh K.

Về con chung : Có 04 con chung.

1, Phạm Tường V, sinh ngày 21/01/2006

2, Phạm Ngọc Trà M, sinh ngày 04/11/2011

3, Phạm Ngọc N, sinh ngày 12/10/2016

4, Phạm Ngọc An Nh, sinh ngày 31/5/2021

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 04 con chung, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4000.000 đồng/04 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp và các Quyết định tố tụng khác cho anh Phạm Minh K nhưng anh K không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai của anh K.

Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2022, đại diện UBND xã L, huyện Long Thành cung cấp : Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Phạm Minh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn địa phương không nắm rõ vì chị N, anh K không trình báo và không yêu cầu hòa giải.

Về nợ chung: Tại thời điểm xác minh chính quyền địa phương chưa nhận được đơn giải quyết về nợ đối với chị N, anh K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu giao 04 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Chị N nuôi con yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Yến. Bị đơn anh Phạm Minh K đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Thành nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị N yêu cầu xin ly hôn anh K vì tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 02/2021, chị N và anh K đã tự sống ly thân nhau đến nay không bàn bạc, đoàn tụ được chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trong, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn anh Phạm Minh K.

[3] Về con chung: Chị N và anh K có 04 con chung.

1, Phạm Tường V, sinh ngày 21/01/2006

2, Phạm Ngọc Trà M, sinh ngày 04/11/2011

3, Phạm Ngọc N, sinh ngày 12/10/2016

4, Phạm Ngọc An Nh, sinh ngày 31/5/2021

Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 04 con chung. Xét thấy, hiện nay chị N là người đang trực tiếp nuôi 04 con chung. Cháu Phạm Tường V, cháu Phạm Ngọc Trà M hiện nay đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến các cháu có nguyện vọng được sống với chị N. Vì vậy, giao cho chị N nuôi dưỡng 04 con chung nêu trên là có cơ chấp nhận.

Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 4000.000 đồng. Xét thấy, theo quy định của pháp luật người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N nuôi dưỡng cả 04 con chung nên yêu cầu của chị N là có cơ sở chấp nhận, vì vậy, buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4000.000 đồng.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị N khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 217, 218, 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 ; Điều 56, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N, xử cho chị N được ly hôn anh Phạm Minh K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tường V, sinh ngày 21/01/2006 ; cháu Phạm Ngọc Trà M, sinh ngày 04/11/2011; cháu Phạm Ngọc N, sinh ngày 12/10/2016 và cháu Phạm Ngọc An Nh, sinh ngày 31/5/2021cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Phạm Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V, cháu M, cháu N và cháu Nh mỗi tháng 4000.000 đồng.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005353 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Kiều N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phạm Minh K không thanh toán số tiền cấp dưỡng nêu trên thì anh Trường phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Phạm Minh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của páp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
- UBND xã An Phước
Huyện Long Thành.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên